

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN GIANG  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phan Thị Bích Thủy

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Nguyễn Quốc Doanh

2/ Ông Đỗ Đức Tuân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-DS ngày 05/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 22/9/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BDLV**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà TT, Số 210 đường TQK, phường TT, quận HK, HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S; Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí C; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên

Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng BDLV.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đàm Hữu T; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch VG. (Có mặt)

Theo Quyết định ủy quyền số 139/2021/UQ-LPB.CNHY ngày 19/8/2021

của Giám đốc Chi nhánh HY - Ngân hàng BDLV.

**Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thu N**; Sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

HKTT: Số 1, đường TN, Thị trấn VG, huyện VG, tỉnh HY

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 07/07/2017, bà Nguyễn Thu N đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD3802017151 với Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY, hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho bà Nguyễn Thu N vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

Số tiền cho vay: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn); Mục đích vay: Mua sắm đồ dùng gia đình; Lãi suất vay ban đầu: Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 12,0%/năm; Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức:

$$\text{Lãi suất cho vay} = \text{LSTK 13 tháng} + 4,75 \text{ \%/năm}$$

Lãi suất quá hạn gốc bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Thời hạn vay: 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Phương thức trả gốc lãi: Kỳ trả gốc: Trả 01 tháng/kỳ, bao gồm 60 kỳ, trong đó mỗi kỳ trả 3.334.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/08/2017, kỳ cuối trả 3.294.000 đồng; Kỳ trả lãi: Trả lãi định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/08/2017; Tài sản bảo đảm: Tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY từ ngày 07/07/2017 đến kỳ trả nợ ngày 25/7/2019 bà Nguyễn Thu N trả nợ đầy đủ gốc, lãi vay cho Ngân hàng. Bà Nguyễn Thu N bắt đầu quá hạn gốc, lãi vay tại Ngân hàng từ kỳ trả nợ ngày 26/08/2019 đồng thời thường xuyên vi phạm các quy định trong việc trả nợ với Ngân hàng từ đó đến nay.

Kể từ ngày 07/7/2017 đến ngày 30/9/2022 bà Nguyễn Thu N đã trả cho Ngân hàng 109.971.664đ tiền gốc;

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Nguyễn Thu N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thu N thanh toán nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên bà Nguyễn Thu N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm cam kết.

Tính đến hết ngày 30/9/2022, tổng nghĩa vụ nợ phải trả khoản vay của bà Nguyễn Thu N tại Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY là: 148.125.084đ. Trong đó: Nợ gốc: 90.028.336 đồng; Lãi trong hạn: 35.464.530 đồng; Lãi quá

hạn: 22.632.218 đồng

Ngân hàng TMCP BĐLV đề nghị Tòa xem xét và giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thu N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ny cho Ngân hàng TMCP BĐLV theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3802017151 ngày 07/7/2017 với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/9/2022 là: 148.125.084đ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi tư đồng).

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Nguyễn Thu N phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từ ngày tiếp theo ngày 30/9/2022 cho đến khi tất toán khoản vay.

Ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thu N không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng TMCP BĐLV được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản của bà Nguyễn Thu N để thu hồi nợ vay.

Sau khi xử lý hết các tài sản mà vẫn không trả hết nợ, thì bà Nguyễn Thu N có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán khoản vay.

***Tại Biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn bà Nguyễn Thu N trình bày:***

Năm 2017, bà có nhu cầu vay vốn để phục vụ tiêu dùng cá nhân, mua sắm đồ dùng trong gia đình nên bà đã liên hệ với Ngân hàng TMCP BĐLV - Chi nhánh HY để được hỗ trợ vay vốn.

Ngày 07/7/2017, bà ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay khoản tiền 200.000.000đ.

Bà xác nhận chữ ký tại các mục Người vay, Bên vay trên các văn bản Hợp đồng tín dụng số HDTD3802017151 ngày 07/7/2017, Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ, Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ đều là của bà, do bà tự nguyện ký. Toàn bộ các nội dung, điều khoản trong văn bản này cũng đúng với thỏa thuận khi vay vốn giữa bà với Ngân hàng. Đến nay bà không thắc mắc gì về nội dung các văn bản này.

Sau khi ký kết các văn bản trên, bà đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay là 200.000.000đ và bà đã sử dụng hết tiền vay theo đúng mục đích vay ban đầu, việc vay vốn hoàn toàn là do cá nhân bà thực hiện, không liên quan tới chồng, con và các thành viên nào khác trong gia đình, việc sử dụng vốn vay cũng chỉ do cá nhân bà sử dụng.

Thời gian đầu thực hiện khoản vay, bà đã thực hiện đúng lộ trình, thời gian và số tiền gốc, lãi trả Ngân hàng.

Đến nay bà nhất trí với các khoản nợ còn lại bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn như Ngân hàng đã thống kê.

Từ khoảng năm 2020, khi dịch bệnh Covid 19 bắt đầu lan rộng, công việc khác của gia đình bà gặp nhiều khó khăn, thu nhập từ lương của bà phải dành để

trang trải sinh hoạt gia đình, nuôi các con học tập nên bà không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng cam kết ban đầu được.

Cán bộ ngân hàng cũng nhiều lần gặp và làm việc với bà, bà cũng trình bày ý kiến và nguyện vọng muốn được Ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà thu xếp tiền trả nợ dần.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, đã nhiều lần Tòa án hòa giải giữa ngân hàng với chị N, tuy nhiên Ngân hàng không chấp nhận phương án trả nợ của bà N.

Đến nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thu N phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3802017151 ngày 07/7/2017 tính đến hết ngày 30/9/2022 tổng là 148.125.084đ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi tư đồng). Và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/9/2022 đến ngày bà N thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán ra thông báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn theo quy định tại điều 195, 196 Bộ Luật tố tụng dân sự. Việc lấy lời khai của đương sự đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 175, 203, 204, 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV đối với bà Nguyễn Thu N.

Buộc bà Nguyễn Thu N phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm tính đến hết ngày 30/9/2022 tổng là 148.125.084đ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi tư đồng).

Bà Nguyễn Thu N tiếp tục phải trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 01/10/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thu N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thu N có địa chỉ thường trú tại thị trấn VG, huyện VG, tỉnh HY phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thu N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

#### **[2]. Về nội dung:**

##### **[2.1]. Về tính pháp lý của hợp đồng tín dụng:**

Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP BDLV với bà Nguyễn Thu N:

Ngày 07/7/2017 bà Nguyễn Thu N ký Hợp đồng tín dụng số HDTD3802017151 ngày 07/7/2017 với Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh Hưng Yên. Nội dung cơ bản của hợp đồng thỏa thuận:

Ngân hàng cho bà Nguyễn Thu N vay số tiền: 200.000.000đ; Mục đích vay: Mua sắm đồ dùng gia đình; Lãi suất vay ban đầu: Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 12,0%/năm; Lãi suất quá hạn gốc bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Thời hạn vay: 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần;

Ngoài ra còn các quy định về kỳ hạn trả nợ gốc, nợ lãi, việc điều chỉnh lãi suất, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng...

Việc Ngân hàng và bà Nguyễn Thu N ký kết hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Các chủ thể có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên theo quy định tại điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp có hiệu lực pháp luật, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền cho vay là 200.000.000đ, bên vay là bà Nguyễn Thu N thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay và sử dụng vốn đúng mục đích vay vốn.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng đã ký kết, do vậy Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện ra Tòa án theo mục 12.2, Điều 12 của Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

*[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc:*

Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định: Số tiền nợ gốc Ngân hàng TMCP BDLV cho bà N vay là 200.000.000đ.

Theo bảng tính lãi món vay quá hạn, Bảng sao kê thu nợ gốc khách hàng Nguyễn Thu N thể hiện, từ thời điểm vay vốn, bà N đã nhiều lần thanh toán tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP BDLV, số tài khoản. Tổng số tiền nợ gốc đã thanh toán là: 109.971.664đ.

Như vậy, bị đơn còn phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP BDLV 90.028.336đ tiền nợ gốc. Yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

*[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ lãi:*

Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, các bên có thỏa thuận về lãi suất. Trong đó: Lãi suất vay ban đầu: Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 12,0%/năm; Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức:

Lãi suất cho vay = LSTK 13 tháng + 4,75 %/năm. Trong đó: LSTK 13 tháng là lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của LienVietPostBank cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Lãi suất quá hạn gốc bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số 1627/2001/QĐ - NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ - NHNN ngày 03/2/2005, Điều 11 Thông tư số 21/2012 ngày 18/6/2012 của Ngân hàng nhà nước.

Theo bảng Sao kê thu gốc, lãi; Bảng tính lãi món vay của bà Trần Thu N thể hiện bà N đã thanh toán số tiền 53.035.874đ tiền nợ lãi.

Theo bảng tính lãi của Ngân hàng TMCP BDLV cung cấp, tính đến hết ngày 30/9/2022 lãi suất theo Hợp đồng mà bà N còn phải thanh toán cho Ngân hàng gồm: Nợ lãi trong hạn 35.464.530đ; Nợ lãi quá hạn 22.632.218đ. Việc tính

lãi này là đúng với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Yêu cầu của Ngân hàng TMCP BDLV về khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ và được chấp nhận.

Như vậy, tính đến hết ngày 30/9/2022 bà Nguyễn Thu N còn phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền như sau:

Nợ gốc: 90.028.336đ; Nợ lãi trong hạn 35.464.530đ; Nợ lãi quá hạn 22.632.218đ

Tổng cộng: 148.125.084đ.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP BDLV về việc tính lãi phát sinh từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng các bên đã ký, quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận về mức lãi suất phát sinh nào khác. Do đó, yêu cầu buộc bà N có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nay sẽ hoàn trả số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp.

Bà Nguyễn Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về điều luật áp dụng:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 117, 119, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

### **2. Về nội dung:**

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thu N phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3802017151 ký ngày 07/7/2017 tính đến hết ngày 30/9/2022 gồm:

Trong đó: Nợ gốc: 90.028.336 đồng; Lãi trong hạn: 35.464.530 đồng; Lãi quá hạn: 22.632.218 đồng

Tổng cộng: 148.125.084đ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu một

trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi tư đồng).

Bà Nguyễn Thu N tiếp tục phải trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD3802017151 ký ngày 07/7/2017 tính từ ngày 01/10/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2.3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Về án phí:** Bà Nguyễn Thu N phải chịu 7.406.200đ (Bảy triệu bốn trăm linh sáu nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.340.000đ (Ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010633 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang
- Cơ quan THADS huyện Văn Giang
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Bích Thủy**